

Số: /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH**Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông**

Kính gửi: Chính phủ

Triển khai thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông xin trình Chính phủ về dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở pháp lý**

Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 (sau đây gọi là Luật Viễn thông) đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 11/2023/L-CTN ngày 01 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 (quy định về quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025).

Tại Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, thời hạn trình Chính phủ là trước ngày 15 tháng 4 năm 2024.

2. Căn cứ thực tiễn

Luật Viễn thông là văn bản có phạm vi tác động rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực của hoạt động viễn thông, từ hạ tầng viễn thông, dịch vụ viễn thông, đến quản lý nhà nước về viễn thông. Một số quy định có tính mới trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cần có hướng dẫn chi tiết để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực thi như: Hình thức cấp giấy phép viễn thông (cấp phép riêng, cấp phép nhóm); hình thức đăng ký, thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông; quản lý cạnh

tranh; quản lý thẻ và tài khoản SIM; Bán buôn trong viễn thông; “quản lý nhẹ” đối với ba dịch vụ mới (dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet)...

Nghị định số 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông 2009 (sau đây gọi là Nghị định 25) được Chính phủ ban hành ngày 06 tháng 4 năm 2011, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2011 là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, góp phần cơ bản hoàn thiện hành lang pháp lý về viễn thông, tạo cơ sở để triển khai thực thi hiệu quả Luật Viễn thông. Sau hơn 12 năm thi hành Nghị định cũng đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung về cấp phép viễn thông, quản lý hạ tầng viễn thông, quản lý thông tin thuê bao.

Từ nội dung báo cáo trên, việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Quy định chi tiết một số nội dung được Luật Viễn thông năm 2023 giao. Nhằm tiếp tục cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước đã được Quốc hội thông qua tại Luật Viễn thông và giao Chính phủ quy định để triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất các giải pháp bảo đảm thực hiện Luật hiệu quả, chất lượng, phát triển và hội nhập quốc tế.

- Bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong cách tổ chức thực thi một số quy định của Luật Viễn thông; đảm bảo việc quản lý lĩnh vực viễn thông một cách hiệu quả, hiệu lực và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đang là thành viên.

- Tạo căn cứ pháp lý để triển khai các quy định của Luật Viễn thông vào thực tiễn cuộc sống.

- Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của các quy định tại Luật Viễn thông.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bám sát chủ trương, định hướng, chính sách của Chính phủ, Quốc hội đã quy định trong quá trình xây dựng Luật Viễn thông.

- Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của hệ thống pháp luật có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

- Tham khảo và kế thừa có chọn lọc các quy định hiện hành, các kinh nghiệm quốc tế; bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Nội dung rõ ràng, cụ thể, chi tiết và khả thi; chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ được giao trong Luật (gồm các nội dung quy định chi tiết theo Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/1/2024 và các nội dung thuộc

thẩm quyền quy định của Chính phủ tại khoản 1 Điều 17, điểm d khoản 2 Điều 28, điểm h khoản 2 Điều 29 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Viễn thông), đơn giản hóa thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai thực hiện các hoạt động sau:

1. Ngày 05 tháng 02 năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 141/QĐ-BTTTT về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông và Quyết định số 235/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc kiện toàn Ban soạn thảo, Tổ biên tập.

2. Ngày 31 tháng 01 năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đăng dự thảo tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Ngày 28 tháng 02 năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức họp Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập để xin ý kiến về một số nội dung của dự thảo Nghị định (trước đó ngày 21 tháng 02 năm 2024 đã tổ chức cuộc họp Tổ biên tập với thành phần mở rộng thêm các hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan để xin ý kiến về nội dung dự thảo).

4. Ngày 28 tháng 02 năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Công văn số 653/BTTTT-CVT gửi dự thảo tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định để lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan.

5. Cùng với việc đăng tải công khai các dự thảo, gửi lấy ý kiến chính thức bằng văn bản, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức lấy ý kiến trực tiếp thông qua một số hình thức như cuộc họp, hội thảo về các nội dung trong dự thảo Nghị định với các đối tượng chịu sự điều chỉnh.

6. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia (đến ngày 27/03/2024 đã nhận được tổng số 306 ý kiến góp ý của 64 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp), Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ Nghị định gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về hồ sơ Nghị định.

7. Ngày ... tháng... năm 2024, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP thẩm định về dự thảo Nghị định.

8. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định để trình Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 07 Chương, 86 Điều, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông:

Chương I: gồm 02 Điều, quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Chương II: gồm 29 Điều, từ Điều 3 đến Điều 31 quy định về kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Chương III: gồm 19 Điều, từ Điều 32 đến Điều 50 quy định về cấp giấy phép viễn thông.

Chương IV: gồm 02 Điều, từ Điều 51 đến Điều 52 quy định về quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông.

Chương V: gồm 27 Điều, từ Điều 53 đến Điều 79 quy định về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

Chương VI: gồm 04 Điều, từ Điều 80 đến Điều 83 quy định về công trình viễn thông.

Chương VII: gồm 03 Điều, từ Điều 84 đến Điều 86 quy định về điều khoản thi hành.

2. Nội dung của Nghị định

Trên cơ sở rà soát và đánh giá các nội dung quy định tại Luật Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng dự thảo Nghị định để quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật và chia thành 6 nhóm vấn đề lớn bao gồm: (1) Cấp phép; (2) Quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông; (3) Quản lý đăng ký thông tin thuê bao di động; (4) Quản lý 03 dịch vụ mới (dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet); (5) Quản lý thị trường viễn thông và (6) Quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. Nội dung của Nghị định bám sát các điều, khoản do Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định, cụ thể:

2.1. Về vấn đề cấp phép viễn thông

a) Phân loại dịch vụ viễn thông

Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định về phân loại dịch vụ viễn thông tại khoản 6 Điều 20. Dự thảo Nghị định kế thừa phân loại dịch vụ viễn thông đã được quy định trong Nghị định 25 (Điều 9) và thực hiện ổn định trong thời gian qua, phù hợp với phân loại dịch vụ mà Việt Nam đã cam kết trong biểu cam kết WTO về lĩnh vực viễn thông. Đồng thời, dự thảo Nghị định bổ sung một số dịch vụ viễn thông phù hợp với quy định mới của Luật Viễn thông và thực tiễn phát triển của công nghệ bao gồm: dịch vụ mạng; dịch vụ truyền dẫn cho kết nối máy tới máy; dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh truyền hình; dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet; dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây.

b) Điều kiện cấp phép đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng thuộc trường hợp cấp phép nhóm

Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định điều kiện về vốn điều lệ, điều kiện về triển khai mạng viễn thông đối với các loại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng thuộc trường hợp cấp phép nhóm tại điểm b khoản 2

Điều 36. Dự thảo Nghị định quy định điều kiện về vốn điều lệ trên cơ sở kết thừa quy định về vốn pháp định và quy định điều kiện triển khai mạng trên cơ sở kế thừa quy định về mức cam kết đầu tư đối với hoạt động thiết lập mạng viễn thông công cộng trong Nghị định 25. Quy định trong dự thảo Nghị định bảo đảm nguyên tắc điều kiện về vốn và triển khai mạng ở mức độ phù hợp để vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia thị trường đồng thời bảo đảm ngăn chặn tình trạng doanh nghiệp không triển khai đầu tư thiết lập mạng viễn thông sau khi được cấp phép.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện, trường hợp đặc biệt, băng tần thuộc trường hợp cấp phép thông qua đấu giá có thể được cấp theo phương thức cấp phép trực tiếp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh. Do đó, để đồng bộ với quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng trong trường hợp này trên nguyên tắc cấp giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

c) Về các loại mạng viễn thông dùng riêng phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định chi tiết về các loại mạng viễn thông dùng riêng thuộc trường hợp phải có giấy phép quy định tại khoản 6 Điều 19. Trên cơ sở hiện trạng quản lý các mạng viễn thông dùng riêng và đánh giá yêu cầu quản lý, để giảm thiểu thủ tục hành chính, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất quy định rõ đối với các mạng viễn thông vô tuyến dùng riêng thì chỉ yêu cầu giấy phép thiết lập mạng dùng riêng đối với loại mạng dùng riêng có sử dụng băng tần số được cấp phép cho chủ mạng theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện (là hình thức mạng dùng riêng mới dự kiến có thể được triển khai khi công nghệ 5G được ứng dụng rộng rãi) hoặc có sử dụng đường truyền dẫn vệ tinh.

d) Cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đối với các dịch vụ viễn thông vệ tinh

Hiện nay, do sự phát triển của công nghệ vệ tinh, hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới trở nên phổ biến, đặt ra yêu cầu cần tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Trên cơ sở đó, khoản 4 Điều 21 Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Khoản 3 Điều 21 Luật Viễn thông quy định: “*Doanh nghiệp viễn thông tham gia thỏa thuận thương mại với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam phải có phương án kỹ thuật để bảo đảm an ninh thông tin và thực hiện ngăn chặn khẩn cấp, ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”. Căn cứ quy định này, dự thảo Nghị định bổ sung một số yêu cầu

đối với doanh nghiệp viễn thông tham gia thỏa thuận thương mại với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới bao gồm: (1) doanh nghiệp viễn thông phải là doanh nghiệp được phép thiết lập cổng kết nối quốc tế; (2) trường hợp cung cấp dịch vụ vệ tinh, doanh nghiệp viễn thông phải có phương án để đặt trạm cổng kết nối quốc tế trên lãnh thổ Việt Nam để bảo đảm an ninh thông tin và thực hiện ngăn chặn khẩn cấp, ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Đăng ký, thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Viễn thông, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về danh mục dịch vụ viễn thông áp dụng hình thức đăng ký, thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông, điều kiện cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức đăng ký và quy trình thủ tục thực hiện đăng ký, thông báo trên nguyên tắc đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp gia nhập thị trường.

e) Gia hạn giấy phép viễn thông

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 Luật Viễn thông, dự thảo Nghị định quy định các trường hợp được phép gia hạn 01 năm khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa.

2.2. Về quản lý hạ tầng viễn thông

a) Về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương

Khoản 1 Điều 63 Luật Viễn thông quy định quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch tỉnh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Quy hoạch, việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Viễn thông, dự thảo Nghị định bổ sung Chương V quy định chi tiết về nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch này. Quy định trong dự thảo được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định đã có tại Nghị định 25 (Điều 40) và Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.

b) Về hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông

Khoản 5 Điều 13 Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định chi tiết việc hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông. Căn cứ quy định này và trên cơ sở kế thừa Nghị định 25 (Điều 44), dự thảo Nghị định quy định UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hạ ngầm và chỉnh trang đường cáp viễn thông tại địa phương; quy định các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thực hiện ngầm hóa theo kế hoạch được phê duyệt; quy định việc hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm

tối đa việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng.

c) Về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng trong hoạt động viễn thông

Căn cứ thẩm quyền giao Chính phủ quy định tại khoản 8 Điều 5 Luật Viễn thông, dự thảo Nghị định đã bổ sung một số quy định sau:

- Quy định trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông; việc bảo vệ các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thực hiện theo pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Quy định trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động viễn thông, các hệ thống thiết bị mạng viễn thông phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng.

d) Về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông

Căn cứ khoản 4 Điều 47 Luật Viễn thông, dự thảo Nghị định quy định chi tiết về hoạt động chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trong đó:

- Giao Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông theo đề nghị của các bộ ngành, địa phương để phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa khác, phòng, chống dịch bệnh.

- Quy định chi tiết thẩm quyền giải quyết việc chia sẻ cơ sở hạ tầng thụ động cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và Cơ quan chuyên môn về viễn thông thuộc UBND cấp tỉnh trong trường hợp các doanh nghiệp viễn thông không thống nhất được (trừ vấn đề về giá).

- Quy định việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông tích cực giữa các doanh nghiệp viễn thông trên nguyên tắc khuyến khích việc chia sẻ để tiết kiệm chi phí triển khai mạng viễn thông, đồng thời phải bảo đảm phù hợp với pháp luật về cạnh tranh, về tần số vô tuyến điện.

2.3. Về quản lý thông tin thuê bao di động

Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện xác thực, lưu giữ, sử dụng thông tin thuê bao viễn thông và xử lý SIM có thông tin thuê bao không đầy đủ, không chính xác (điểm k khoản 2 Điều 13), việc ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông, chấm dứt hợp đồng với các thuê bao viễn thông vi phạm pháp luật về viễn thông (điểm m khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 2 Điều 22). Căn cứ các quy định này, dự thảo Nghị định bổ sung các quy định về quản lý thông tin thuê bao tại mục 3 Chương II. Các quy định trong dự thảo cơ bản kế thừa quy định đã có trong Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định 25 và có thêm một số điểm mới như sau:

- Cho phép doanh nghiệp viễn thông di động triển khai đăng ký thông tin thuê bao theo hình thức trực tuyến sử dụng phần mềm, ứng dụng để phù hợp với xu thế chuyển đổi số.

- Trước khi giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông với người sử dụng, doanh nghiệp viễn thông phải thực hiện xác thực thông tin thuê bao di động đảm bảo thông tin thuê bao đầy đủ, trùng khớp với thông tin trên giấy tờ tùy thân đã xuất trình. Việc xác thực thông tin thuê bao phải đáp ứng các yêu cầu như sau: (1) đảm bảo trùng khớp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tối thiểu 03 trường thông tin trên giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam gồm số giấy tờ, họ và tên, ngày sinh; (2) khi đăng ký, kích hoạt từ SIM thuê bao di động dùng cho liên lạc giữa người với người (H2H) thứ hai trở lên phải xác thực thông qua mã xác thực một lần (mã OTP) gửi đến SIM đăng ký, kích hoạt trước đó; (3) áp dụng giải pháp cuộc gọi ghi hình (video call) để thực hiện thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình đăng ký thông tin thuê bao đảm bảo hiệu quả như quy trình nhận biết, xác minh thông tin khách hàng qua phương thức gặp mặt trực tiếp; (4) các yêu cầu khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định theo từng thời kỳ, phù hợp với sự phát triển của công nghệ và yêu cầu quản lý.

2.4. Về quản lý 03 dịch vụ mới (dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet)

Luật Viễn thông mở rộng phạm vi điều chỉnh quản lý 03 dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet. Căn cứ thẩm quyền được giao trong Luật (Điều 28, Điều 29), dự thảo Nghị định bổ sung quy định một số vấn đề như sau:

- Quy định quyền và nghĩa vụ của các tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ 03 dịch vụ mới căn cứ trên các Điều 28, Điều 29 Luật Viễn thông và nguyên tắc “quản lý nhẹ” – quản lý ở mức độ phù hợp đã được thống nhất trong quá trình xây dựng Luật, bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

- Về việc lưu trữ, quản lý thông tin người sử dụng dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet cung cấp khi giao kết hợp đồng: quy định thông tin tối thiểu phải cung cấp khi đăng ký sử dụng dịch vụ bao gồm tên định danh người dùng, số điện thoại di động trong trường hợp sử dụng số điện thoại di động để xác định người sử dụng dịch vụ; doanh nghiệp phải tuân thủ quy định liên quan về lưu trữ dữ liệu và thời gian lưu trữ các thông tin người dùng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng, thông tin về việc sử dụng dịch vụ theo pháp luật về an ninh mạng.

- Về việc lưu trữ, quản lý thông tin người sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây cung cấp khi giao kết hợp đồng: quy định thông tin tối thiểu mà người sử dụng phải cung cấp khi giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ; quy định trách nhiệm của doanh nghiệp lưu trữ các thông tin này theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

- Về cung cấp và sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây trong hoạt động của cơ quan nhà nước: quy định dữ liệu của cơ quan nhà nước sử dụng dịch vụ chỉ được lưu trữ tại Việt Nam; quy định doanh nghiệp cung

cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây cho cơ quan nhà nước phải tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2.5. Về quản lý thị trường viễn thông

a) Về quản lý doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường

Căn cứ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Viễn thông, dự thảo Nghị định bổ sung quy định các tiêu chí xác định thị trường dịch vụ viễn thông thuộc danh mục Nhà nước quản lý trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và kế thừa quy định của Luật Viễn thông năm 2009; quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các thị trường dịch vụ viễn thông thuộc danh mục Nhà nước quản lý theo nguyên tắc lượng hoá, phù hợp với hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông. Việc xác định thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý và doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường trên các thị trường này là phương pháp quản lý cạnh tranh tiền kiểm (ex-ante) nhằm quản lý các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường (quy định các nghĩa vụ đối với doanh nghiệp này để thúc đẩy cạnh tranh). Cách tiếp cận này khác với phương pháp quản lý hậu kiểm của Luật Cạnh tranh (phục vụ giải quyết các vụ việc cạnh tranh) và phù hợp với cam kết quốc tế về viễn thông mà Việt Nam đã ký kết, thông lệ quản lý viễn thông trên thế giới.

b) Về quản lý thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động và tài khoản SIM di động

Căn cứ thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật Viễn thông, dự thảo Nghị định quy định chi tiết về hình thức thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động; quy định trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông trong việc phát hành và sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động; quy định trách nhiệm chung của doanh nghiệp viễn thông trong việc quản lý hoạt động thanh toán cho dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động qua tài khoản SIM để quản trị rủi ro, ngăn chặn việc lạm dụng, lợi dụng cho các hoạt động vi phạm pháp luật.

2.6. Về quản lý cung cấp dịch vụ viễn thông

Dự thảo Nghị định quy định một số vấn đề về cung cấp dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp bao gồm thủ tục ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ dịch vụ viễn thông; quy định về việc cung cấp dịch vụ chuyển mạng giữ nguyên số thuê bao; quy định về bán lại dịch vụ viễn thông về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông. Các quy định trong dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa quy định đã có tại Nghị định số 25.

2.7. Về điều khoản chuyển tiếp

So với Luật Viễn thông năm 2009, Luật Viễn thông năm 2023 có sự điều chỉnh về các loại hình giấy phép viễn thông và hình thức thu phí quyền hoạt động viễn thông. Để bảo đảm việc thu các lệ phí, phí quyền hoạt động viễn thông được thực hiện không gián đoạn và có đủ thời gian để Bộ Tài chính ban hành Thông tư

mới quy định về mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông, trên cơ sở trao đổi với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất bổ sung quy định chuyển tiếp trong dự thảo Nghị định như sau:

- Tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép viễn thông theo quy định của Luật Viễn thông năm 2009 và tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép viễn thông theo quy định tại Luật Viễn thông năm 2023 và Nghị định này thực hiện nộp lệ phí, phí quyền hoạt động viễn thông theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính đến hết ngày 31/12/2024.

- Từ ngày 01/01/2025, việc thu lệ phí cấp phép, phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông thực hiện theo quy định mới của Bộ Tài chính.

V. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

Bộ TT&TT đã nhận được ý kiến góp ý của các Bộ: Quốc phòng; Công Thương; Nội vụ; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, Bộ TT&TT đã tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định. Nội dung chi tiết Bộ TT&TT xin trình bày trong tài liệu đính kèm tờ trình.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Sau khi Nghị định được ban hành, Bộ Thông tin và Truyền thông dự kiến nguồn lực đảm bảo cho việc thi hành

- Phổ biến các nội dung Nghị định sau khi được ban hành tới các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định.

- Bám sát việc triển khai thực tế của các quy định, giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai các quy định của Nghị định.

- Việc triển khai thi hành Nghị định không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế.

2. Về kinh phí

- Ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được phê duyệt.

- Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; (4) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với Nghị định và (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CVT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Huy Dũng